

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN MINH HOÁĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 09/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 20/02/2025

“V/v ly hôn và chia con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Cao Tiến Khâm

Bà: Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Bá Thi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST - HNGĐ ngày 01/11/2024 về việc “Ly hôn và chia con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đinh Thị Hoài T, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, TT Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Trần Xuân H, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2024 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Đinh Thị Hoài T trình bày giữa chị và anh Trần Xuân H đã đăng ký kết hôn ngày 22/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sinh được 02 người con, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nay

đã sống ly thân với nhau. Vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trần Song H1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Trần Đức P, sinh ngày 30/10/2022. Sau khi ly hôn do hiện nay các cháu đang ở với chị T nguyên vọng của chị T xin được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về khoản vay chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Ý kiến của anh Trần Xuân H tại các phiên hòa giải và tại bản tự khai như sau:

Về tình cảm: nhất trí theo yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trần Song H1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Trần Đức P, sinh ngày 30/10/2022. Nếu ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi cháu H1 và giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về khoản vay chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 23/01/2025 Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị T và anh H. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng và đưa ra quan điểm xét xử đối với vụ án: Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Đinh Thị H2 T được ly hôn với anh Trần Xuân H.

Về con C: Đề nghị giao chị Đinh Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Song H1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Trần Đức P, sinh ngày 30/10/2022. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về vay chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh H để hòa giải theo yêu cầu của chị T nhưng không thỏa thuận được để giải quyết vụ án. Sau đó Tòa án ra Quyết định xét xử và triệu tập anh H nhưng anh H không đến để tham gia phiên tòa. Tòa án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được anh H có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình, hiện tại anh H không có mặt tại địa phương đã đi làm ăn xa. Tòa án đã niêm yết tất cả các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của chị T.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H đã đăng ký kết hôn ngày 22/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của chị T xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Hiện nay các cháu Trần Song H1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Trần Đức P, sinh ngày 30/10/2022 đang ở và học tập với chị T, chị T có nguyện vọng xin được nuôi cháu, cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ để thuận tiện trong việc học tập. Mặt khác chị T hiện nay là giáo viên thu nhập một tháng hơn 13.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi 02 cháu, anh H có nguyện vọng xin được nuôi cháu H1 nhưng cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng các con là hợp lý. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào mức sống bình quân tại địa phương và quy định của pháp luật buộc anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi cháu là thỏa đáng.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về vay chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000644 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H2 T được ly hôn anh Trần Xuân H.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Đinh Thị H2 Thương được nuôi dưỡng các cháu Trần Song H1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Trần Đức P, sinh ngày 30/10/2022. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi cháu.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000644 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/02/2025), bị đơn có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quốc Hoàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Trương Ngọc Nhân

2. Lê Minh Toàn

